

Bản án số: 1287/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Trần Văn Cảnh.

2/ Bà Lê Thị Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3747/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 232/9 B, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1992.

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 9 S Street R Vic 3073, Australia.

(Đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/6/2018, bản tự khai ngày 25/7/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc G tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 344 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/11/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2014 thì bà G trở về Australia sinh sống và làm việc, còn ông vẫn sống ở Việt Nam. Hai vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Đến tháng 4/2014 thì giữa ông và bà G không liên lạc được với nhau. Ông đã cố gắng hàn gắn gia đình, tìm cách liên hệ với bà G nhưng không được, hai vợ chồng ông vẫn một người sống một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc G để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Nguyễn Văn T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T khai không có.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 650/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Australia thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 07 tháng 02 năm 2020, lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 06 tháng 3 năm 2020 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 06 tháng 4 năm 2020, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06 tháng 5 năm 2020. Trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự do Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn cư trú ở nước ngoài thì phiên tòa lần 02 sẽ được mở vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, Bộ Tư pháp đã có công văn số 2977/CH-BTP Bộ Tư pháp đề nghị Tòa án tối cao của bang Victoria, Ô-xtrây-li-a thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và gửi kết quả về Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian sớm nhất.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 176/TATP-TGĐVNCTN về việc đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1014/CH-BTP Bộ Tư pháp đề nghị Tòa án tối cao của bang Victoria, Ô-xtrây-li-a hỗ trợ kiểm tra tình hình và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền Ô-xtrây-li-a thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, liên quan đến đương sự Nguyễn Ngọc G theo Công hàm số 2977/CH-BTP ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 10/8/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc G đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Nguyễn Ngọc G không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Ngọc G đang cư trú hợp pháp tại Ô-xtrây-li-a thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Ngọc G đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Tài và bà Nguyễn Ngọc G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 344 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/11/2013 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc G là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông Tài khai rằng hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2014 thì bà G trở về Australia sinh sống và làm việc, còn ông vẫn sống ở Việt Nam. Hai vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Đến tháng 4/2014 thì giữa ông và bà G không liên lạc được với nhau. Ông đã cố gắng hàn gắn gia đình, tìm cách liên hệ với bà G nhưng không được, hai vợ chồng ông vẫn một người sống một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn. Xét thấy vợ chồng có

nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông T và bà Nguyễn Ngọc G mỗi người một nơi, đã không liên lạc với nhau từ tháng 4/2014 đến nay, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho bà G để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà G không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do chứng tỏ bà G không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc G theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Ông Nguyễn Văn T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm b Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 344 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/11/2013 cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc G không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung : Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0013202 ngày 08/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Văn T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Nguyễn Ngọc G thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cảnh**

**Lê Thị Nhung**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cảnh**

**Lê Thị Nhung**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Quận 10, TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:  
HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cảnh**

**Lê Thị Nhung**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**